

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HS-PT

Ngày: 28/02/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quyên.

*Các thẩm phán:* Ông Dương Lê Bửu Thiện  
Bà Lê Thị Ký.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 424/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Lâm Thị Phương T và đồng phạm do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 110/2022/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

**- Các bị cáo:**

**1. Lâm Thị Phương T** (tên gọi khác: Út, Út Quyên) – sinh năm: 1983, tại Trà Vinh. Nơi cư trú: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Văn V, sinh năm 1954 và bà Trần Thị H, sinh năm 1959; Chồng: Nguyễn Huy L, sinh năm 1969 (đã ly thân); Hiện đang sống chung như vợ chồng với Ngô Hoàng A, sinh năm 1985; Con: 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân

thân: Ngày 19/6/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”; Ngày 24/6/2013, bị Công an Phường 4, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000đ về hành vi đánh nhau; Ngày 21/5/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm tù về tội Tàng trữ tiền giả. Bị tạm giam từ ngày 31/5/2019 đến ngày 06/6/2019 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, ngày 30/11/2019 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai bắt tạm giam về tội Tàng trữ tiền giả. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T.

**2. Huỳnh Công H** (tên gọi khác: Tèo), sinh năm: 1985, tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Châu G, sinh năm 1957 và bà Trần Thị L, sinh năm 1961; Vợ: Mai Thị B, sinh năm 1991; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/6/2021, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại Bản án số 67/2021/HSST. Bị tạm giam từ ngày 28/8/2018 đến ngày 25/3/2019 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Đang thi hành hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Quyết định thi hành án hình sự số 81/2021/QĐ-CA ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện T từ ngày 28/12/2020. Hiện đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an huyện T (có mặt tại phiên tòa).

**3. Ngô Hoàng A**, sinh năm: 1985, tại Bến Tre; Nơi cư trú: ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: làm rẫy; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn H, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1963; Vợ: Huỳnh Thị Ngọc N (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2008; sống chung như vợ chồng với Lâm Thị Phương T và có 01 con chung sinh ngày 18/6/2019; Tiền án: Ngày 28/6/2012, Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại Bản án số 151/2012/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/7/2015, nhưng chưa thi hành xong hình phạt bổ sung, án phí hình sự sơ thẩm; Tiền sự: Không; Bị can bị bắt tạm giam vào ngày 19/7/2022, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T.

**- Các bị hại:**

1. Lê Thị P, sinh năm 1992

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức.

2. Lương Hoàng Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 13, khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngô Thị Thùy D, sinh năm 1991

Địa chỉ: khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai

2. Nguyễn Định B, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Hiện đang chấp hành án tại trại giam Xuân Lộc).

3. Bùi Thanh B1, sinh năm 1999

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai

**- Những người làm chứng:**

1. Trương Hải P1, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai

2. Võ Thị Hà T1, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai

3. Lù A Cẩm, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(các bị cáo có mặt, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Thị Phương T, Ngô Hoàng A có quan hệ tình cảm nên đã chung sống với nhau như vợ chồng và đều quen biết với Huỳnh Công H. Vào sáng ngày 26/8/2018, Ngô Hoàng A gọi điện thoại, yêu cầu Huỳnh Công H trả cho Ngô Hoàng A số tiền 80.000.000 đồng H đã nợ trước đó nhưng H không trả tiền cho Anh với lý do H đã cho Lương Hoàng Đ vay số tiền 13.000.000 đồng nên không có đủ tiền để trả. Ngô Hoàng A nói với H gọi điện thoại hẹn gặp Lương Hoàng Đ tại quán cà phê D thuộc khu 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai để giải quyết việc vay tiền.

Đến khoảng 20 giờ ngày 26/8/2018, Lâm Thị Phương T cùng với Ngô Hoàng A thuê 01 xe ô tô 07 chỗ ngồi (không nhớ rõ biển số) do đối tượng tên Tuấn điều khiển đi từ quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh đến quán cà phê D thì gặp Huỳnh Công H, Nguyễn Vũ H, Bùi Thanh B1 đang ngồi uống cà phê tại chòi lá số 02. Cùng lúc, Lương Hoàng Đ điều khiển xe mô tô biển số 60H2 – 4652 chở theo Lê Thị P (P là người sống chung như vợ chồng với Đ) đến quán cà phê D rồi vào chòi lá số 01 gặp Lâm Thị Phương T, Ngô Hoàng A, Huỳnh Công H. Tại đây, T, Anh yêu cầu Đ trả nợ cho H nhưng Đ không trả, T bắt Đ viết giấy nhận nợ nhưng Đ không đồng ý dẫn đến giữa T và Đ xảy ra mâu thuẫn, Lâm Thị Phương T lấy 01 con dao loại dao bấm, dài khoảng 20cm, cán bằng gỗ, lưỡi nhọn bằng kim loại màu trắng đâm trúng vào vùng trán của anh Đ, sợ bị đánh nên anh Đ bỏ chạy ra hướng quốc lộ 20, T gọi H, Hùng bắt giữ Đ lại nhưng không kịp. P đứng ở sân quán D thì bị Ngô Hoàng A dùng chân đá vào người làm P ngã, đối tượng Tuấn dùng giỏ xách đánh vào người của P. Cùng lúc, Lâm Thị Phương T nói với H lấy xe mô tô biển số 60H2 – 4652 của Đ, nên H đi vào chòi lá số 01 tìm chìa khóa thì thấy có 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen của anh Đ để trên bàn, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu đen của chị P trên võng ra đưa cho T cất giữ. Do không có chìa khóa xe nên Lâm Thị Phương T nói với Hùng, H đưa xe mô tô của Đ đến tiệm sửa xe của anh Lìu A Cẩm tại khu 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai cách quán D khoảng 100m để phá khóa xe và chở P vào nhà Trương Hải P1, ngụ ấp 1, xã T, huyện T. H đưa xe mô tô của H cho Hùng để chở P còn H đẩy xe mô tô biển số 60H2 – 4652 ra tiệm sửa xe của anh Lìu A Cẩm. Trong lúc chị Lê Thị P, Nguyễn Vũ H, Huỳnh Công H đang đứng trước tiệm sửa xe của anh Lìu A Cẩm thì Lâm Thị Phương T, Ngô Hoàng A cùng đi đến bắt, ép buộc chị Lê Thị P lên xe ô tô đưa

về nhà anh Trương Hải P1 với mục đích ép chị P phải thay anh Đ trả nợ tiền cho T và Anh. Do thấy Anh, T đe dọa, sợ bị đánh nên chị P lên xe ngồi ở giữa của ghế sau, còn T và Anh ngồi kẹp hai bên người P. Sau đó, đối tượng Tuấn điều khiển xe ô tô chở T, Anh, P, Bình đến nhà anh Trương Hải P1. Riêng Hùng mang xe mô tô biển số 60H2 – 4652 về khách sạn Cali thuộc khu 3, thị trấn T cất, còn H chạy xe mô tô vào nhà Phong để gặp T thì được T nhờ H, Bùi Thanh B1 đi tìm Đ.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến nhà anh Phong, Lâm Thị Phương T và Ngô Hoàng A bắt Lê Thị P ngồi vào góc tường. T, Anh ép buộc chị P phải gọi điện thoại cho anh Đ đến để giải quyết việc vay mượn nợ, nếu anh Đ không đến thì P phải trả tiền cho T, chị P không đồng ý. Lâm Thị Phương T đi đến dùng tay tát 01 cái vào mặt, dùng chân đá trúng tay của P, còn Ngô Hoàng A dùng chân đá vào người chị P nhưng chị P né tránh được, bị đánh nên chị Lê Thị P đứng dậy thì bị Ngô Hoàng A dùng tay trái bóp vào cổ và có lời nói đe dọa cắt cổ chị Lê Thị P. Sau đó, Lâm Thị Phương T, Ngô Hoàng A mượn giấy, bút của anh Trương Hải P1 rồi ép buộc chị Lê Thị P viết 01 giấy mượn tiền với nội dung “Vào ngày 26/7/2018 Lê Thị P mượn Ngô Hoàng A số tiền 35.000.000 đồng, thỏa thuận trong 01 tháng sẽ trả nợ”. Ngoài ra, T bắt chị P đưa cho T 01 bóp da, bên trong có số tiền 1.580.000 đồng, 01 giấy cầm điện thoại di động Iphone 6, 01 hợp đồng thuê nhà, 01 giấy cầm vàng, 01 giấy cầm xe mô tô và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị P. Sau khi lấy được tiền của chị P, T cùng Anh đi về nhà nghỉ Khánh Hà, còn chị P được anh Trương Hải P1 cho mượn điện thoại gọi người quen đến chở về nhà.

Đến một ngày đầu tháng 9/2018, Ngô Hoàng A đã nhờ anh Nguyễn Định B đến tiệm cầm đồ Gia Nguyễn, tại khu 7, thị trấn T do chị Nguyễn Thị Kiều Oanh làm chủ, chuộc điện thoại di động hiệu Iphone 6 của chị P đã cầm trước đó với số tiền 1.520.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 62/KL/HĐĐGTS ngày 27/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva, màu xanh, biển số 60H2 – 4652 đã qua sử dụng có giá trị 6.500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 63/KL/HĐĐGTS ngày 27/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng có giá trị 100.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu đen bạc đã qua sử dụng có giá trị 500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 50/KL/HĐĐGTS ngày 21/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 Iphone 6 màu đen, mua lại, đã qua sử dụng, có trị giá còn lại (đã trích khấu hao) 1.800.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 53/KL/HĐĐGTS ngày 08/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 bóp da nữ, có nhiều ngăn, bị rách góc, đã qua sử dụng, có trị giá 0 đồng.

Quá trình điều tra, Ngô Hoàng A, Huỳnh Công H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lâm Thị Phương T chỉ thừa nhận hành vi phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, bắt người trái pháp luật. Đối với hành vi cướp tài sản, Lâm Thị Phương T không nhận tội và cho rằng Ngô Hoàng A là người thực hiện hành vi chiếm đoạt bóp da bên trong có tiền, giấy cầm đồ của chị P. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của Ngô Hoàng A, Huỳnh Công H, người bị hại chị Lê Thị P, người làm chứng anh Nguyễn Đình B, Trương Hải P1 và chị Nguyễn Thị Kiều Oanh và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra vụ án đủ căn cứ kết luận Lâm Thị Phương T, Ngô Hoàng A đã dùng vũ lực chiếm đoạt 01 bóp da bên trong có số tiền 1.580.000 đồng, 01 giấy cầm điện thoại di động Iphone 6, 01 hợp đồng thuê nhà, 01 giấy cầm vàng, 01 giấy cầm xe mô tô, 01 chứng minh nhân dân của chị Lê Thị P và ép buộc chị P phải viết giấy nhận nợ số tiền 35.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva màu xanh biển số 60H2 – 4652, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen của anh Lương Hoàng Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu đen của Lê Thị P. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho anh Đ, chị P theo quy định.

- 01 giấy mượn tiền (bản photo) đề ngày 26/7/2018 đưa vào hồ sơ vụ án. Đối với bản chính giấy mượn tiền Lâm Thị Phương T khai nhận đã làm thất lạc nên không thu giữ được.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 của chị Lê Thị P, quá trình điều tra Ngô Hoàng A khai nhận đã cất giấu tại nhà trọ nơi cư trú của Anh, T nhưng đã làm thất lạc nên không thu giữ được.

- 01 con dao bấm, dài khoảng 20cm, cán bằng gỗ, lưỡi nhọn bằng thép màu trắng của Lâm Thị Phương T. Quá trình điều tra vụ án T không thừa nhận sử dụng dao đâm anh Lương Hoàng Đ và không khai nhận nơi cất giấu con dao nên không thu giữ được.

- 01 hợp đồng thuê nhà, 01 giấy cầm vàng, 01 giấy cầm xe mô tô, 01 chứng minh nhân dân của chị Lê Thị P, quá trình điều tra Ngô Hoàng A khai nhận T đã cất giữ tại nhà trọ và đã bị thất lạc. Qua làm việc với chị Lê Thị P khai nhận sau khi vụ án xảy ra chị P đã đến tiệm cầm đồ, lấy lại vàng và xe mô tô nên không yêu cầu các bị can bồi thường đối với vàng và xe mô tô.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2022/HS-ST ngày 27 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1, Điều 168; khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lâm Thị Phương T 08 (tám) tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Buộc bị cáo Lâm Thị Phương T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 tội là 04 (bốn) năm 08 (tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 05 (năm) năm tù tại bản án số: 25/2020/HSST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về tội “Tàng trữ tiền giả”. Buộc bị cáo Lâm Thị Phương T phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 30/11/2019 được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 31/5/2019 đến ngày 06/6/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt Ngô Hoàng A 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Buộc bị cáo Ngô Hoàng A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 19/7/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 172 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Huỳnh Công H 06 (sáu) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù

về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tính kể từ ngày 28/8/2018 đến ngày 25/3/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để điều tra lại. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai rút kháng nghị đối với nội dung kháng nghị chuyển tội danh đối với các bị cáo, đề nghị tiếp tục xem xét nội dung bỏ lọt hành vi của Ngô Hoàng A chiếm đoạt tài sản của bị hại Đ.

***Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm:***

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát rút kháng nghị đối với nội dung đề nghị thay đổi tội danh của Lâm Thị Phương T, Huỳnh Công H về hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại Lương Hoàng Đ từ tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” sang tội “Cướp tài sản”, do Quyết định giám đốc thẩm số 75/2021/HS-GĐT ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi của Lâm Thị Phương T, Huỳnh Công H phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

Đối với bị hại là anh Lương Hoàng Đ nội dung vụ án thể hiện Lâm Thị Phương T cùng với Ngô Hoàng A, Huỳnh Công H đến gặp bị hại là anh Lương Hoàng Đ tại quán cà phê D. Tại đây, T, Hoàng A yêu cầu anh Đ trả nợ cho Huỳnh Công H nhưng anh Đ không trả. T bắt anh Đ viết giấy nhận nợ nhưng anh Đ không đồng ý dẫn đến giữa T và anh Đ xảy ra mâu thuẫn. Lâm Thị Phương T lấy 01 con dao loại dao bấm, dài khoảng 20cm, cán bằng gỗ, lưỡi nhọn bằng kim loại màu trắng đâm trúng vào vùng trán của anh Đ, sợ bị đánh nên anh Đ bỏ chạy ra hướng quốc lộ 20. T gọi H, Hùng bắt anh Đ lại. T nói H lấy điện thoại và xe mô tô biển số 60H2-4652 của anh Đ, phá khóa, đưa ra tiệm sửa xe của anh Lìu A Cẩm. Như vậy, hành vi của Ngô Hoàng A có dấu hiệu đồng phạm với T và H trong việc chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Lương Hoàng Đ nhưng không được cấp sơ thẩm xét xử là có dấu hiệu bỏ lọt đồng phạm.

Đối với hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại di động màu đen hiệu Nokia 203 của chị Lê Thị P. Chị P khai bị T đánh và ép phải đưa điện thoại, T khai khi lấy xe và 02 chiếc điện thoại T có đe dọa chị P, Huỳnh Công H khi vào chòi tìm chìa khóa xe máy thì thấy 02 chiếc điện thoại nên đưa cho T. Do đó, hành vi của T chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị Phương có dấu hiệu của tội “Cướp tài sản” nhưng cấp

sơ thẩm lại xét xử tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

Do cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt đồng phạm và xét xử tội danh chưa phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án nên cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có tại Hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng 20 giờ ngày 26/8/2018, tại chòi lá số 01 quán cà phê D (thuộc khu 8, thị trấn T, huyện T) Lâm Thị Phương T, Ngô Hoàng A, Huỳnh Công H xảy ra mâu thuẫn, xích mích trong việc giải quyết nợ nần tiền bạc với Lương Hoàng Đ, Lê Thị P dẫn đến xô xát, T đã lấy 01 con dao (loại dao bấm, dài khoảng 20cm, cán bằng gỗ, lưỡi nhọn bằng kim loại màu trắng) đâm trúng vào vùng trán của anh Đ. Lúc này, Hoàng A và H cùng đứng dậy, do sợ bị đánh nên anh Đ bỏ chạy ra hướng quốc lộ 20. P đứng ở sân quán D thì bị Ngô Hoàng A dùng chân đá vào người làm P ngã, đối tượng Tuấn dùng giỏ xách đánh vào người của P. Sau đó, T nói với H lấy xe mô tô biển số 60H2 – 4652 của Đ, nên H đi vào chòi lá số 01 tìm chìa khóa thì thấy có 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen của anh Đ để trên bàn, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu đen của chị P trên võng ra đưa cho T cất giữ. Do không có chìa khóa xe mô tô biển số 60H2 – 4652 nên T nói với Hùng, H đưa xe mô tô biển số 60H2 – 4652 của Đ đến tiệm sửa xe của anh Lìu A Cẩm (tại khu 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai cách quán D khoảng 100m) để phá khóa xe. H đưa xe mô tô của H cho Hùng để chở P còn H đẩy xe mô tô biển số 60H2 – 4652 ra tiệm sửa xe của anh Lìu A Cẩm (có mặt chị P).

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát:

Về hành vi chiếm đoạt xe và điện thoại của bị hại Đ: Bị cáo Anh là người rủ bị cáo T, H đi đòi nợ anh Đ, do anh Đ không chịu trả nợ và ghi giấy nhận nợ nên bị

Hoàng A hù dọa, chửi mắng, T lấy dao chém vào mặt nên anh Đ bỏ chạy thì các bị cáo lấy tài sản của anh Đ. Bản thân bị cáo Ngô Hoàng A cũng khai nhận nghe T nói H lấy hết điện thoại và chìa khóa xe máy, khi không có chìa khóa xe T chỉ đạo H phá khóa xe, khi thấy H đẩy xe đi thì bị cáo bắt chị P đi theo để giải quyết nợ nần (bút lục 719). Như vậy, tại thời điểm chiếm đoạt tài sản của anh Đ, không có sự chứng kiến của anh Đ nhưng có sự chứng kiến của các bị cáo T, H, Hoàng A và nhiều người đang có mặt tại quán cà phê D, trong đó có chị P. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của T, Hoàng A và H đối với việc chiếm đoạt tài sản của anh Đ có dấu hiệu của tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 172 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhưng cấp sơ thẩm chỉ truy tố, xét xử đối với bị cáo T, H mà không truy tố và xét xử đối với bị cáo Ngô Hoàng A về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” của anh Đ là sai sót, bỏ lọt tội phạm.

Đối với hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại di động Nokia 203 của chị P: Theo H khai Sau khi anh Đ bỏ chạy, chị P bị Ngô Hoàng A dùng chân đá vào người làm chị P ngã, đối tượng Tuấn dùng giỏ xách đánh vào người của P (bút lục 97, 102). Bản thân bị cáo Hoàng A tự khai nhận sau khi Đ bỏ chạy, Hoàng A có đá vào người P, T nói Tèo (H) lấy điện thoại và xe của Đ (bút lục 711, 712). Anh Bùi Thanh B1 khai P bị người đàn ông tên Bó dùng giỏ xách đánh nhiều cái vào mặt, sau đó vợ Hoàng A kêu điện thoại của con P đâu và chỉ tay vào chiếc xe của Đ nói lấy chiếc xe này về, Tèo thấy 02 điện thoại di động đưa luôn cho vợ Hoàng A theo yêu cầu của chị ta (bút lục 278, 279). Lời khai của các bị cáo H, Hoàng A với anh Bùi Thanh B1 phù hợp lời khai của chị P khi H lấy tài sản thì chị bị đánh và ép phải đưa điện thoại (bút lục 202, 204) và phù hợp lời khai bị cáo T tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/5/2020 thừa nhận khi T nói H lấy điện của chị P thì có đe dọa chị. Do đó, có đủ cơ sở kết luận nhóm bị cáo T sau khi đánh, đe dọa chị P rồi lấy tài sản của chị. Hành vi của nhóm bị cáo T đông người, có hung khí mang theo là dao, đánh, hù dọa chị P vào thời điểm 20 giờ tối, quán cà phê ít người, trong khi chị P chỉ có một mình buộc phải để cho nhóm của T lấy tài sản của mình. Hành vi của các bị cáo có dấu hiệu của tội “Cướp tài sản” nhưng cấp sơ thẩm không truy tố và xét xử các bị cáo tội “Cướp tài sản” mà lại xét xử các bị cáo T, H tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” đối với hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại Nokia 230 của chị P là sai sót, bỏ lọt tội phạm và xét xử sai tội danh.

Ngoài ra, tại bản án số 67/2021/HSST ngày 02/6/2021, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo H 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng khi xét xử cấp sơ thẩm không tổng hợp hình phạt là thiếu sót.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, để có cơ sở giải quyết vụ án toàn diện, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần hủy Bản án số 110/2022/HS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T và chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát rút kháng nghị đối với nội dung đề nghị thay đổi tội danh của Lâm Thị Phương T, Huỳnh Công H về hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại Lương Hoàng Đ từ tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” sang tội “Cướp tài sản”, do Quyết định giám đốc thẩm số 75/2021/HS-GĐT ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xác định hành vi của Lâm Thị Phương T, Huỳnh Công H phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” nên Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần này.

[4] Về án phí: Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 348; điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thay đổi tội danh của Lâm Thị Phương T, Huỳnh Công H đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại Lương Hoàng Đ.

2. Chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bỏ lọt hành vi phạm tội của Ngô Hoàng A khi chiếm đoạt tài sản của bị hại Lương Hoàng Đ.

3. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2022/HS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai và chuyển hồ sơ về Viện kiểm sát huyện T, tỉnh Đồng Nai để điều tra, xét xử lại.

4. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân H. T (2);
- Viện kiểm sát nhân dân H. T;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. T;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quyên**